

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO QUYỂN 48

- Số từ câu: “Phần sau như thế là mỗi mỗi” tiếp xuống: Là giải thích đoạn thứ ba này. Văn nơi phần Số giải gồm ba:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Từ câu: “Từ vô số vô lượng” tiếp xuống: Là trở lại giải thích về tướng của số lượng tăng trong hai đoạn trước.

Ba: Từ câu: “Nhưng nơi mỗi mỗi các câu” tiếp xuống: Là phân biệt xác định.

Nói: “Định chung nơi hương thơm v.v...”: Tức mười sự của hương thơm v.v là thể của chủ thể tạo thành, nên được xác định chung.

Nói: “Chẳng hoàn toàn chung nơi Lộng v.v...”: Tức lộng v.v... là đối tượng được tạo thành. Đối tượng được tạo thành có hai mươi sự. Như dùng hương thơm làm cung điện (cung điện thơm) thì có lan can. Dùng hương làm ánh sáng (ánh sáng thơm) thì làm sao có lan can được?. Hương chi ánh sáng đèn là chủ thể tạo thành? Nếu giống như trước cũng thành lộng v.v... thì vì ánh sáng đèn là tạo thành ánh sáng đèn, trên ánh sáng này khó có lan can. Vì thế nói: Không hoàn toàn chung nơi lộng. Vì trong chủ thể tạo thành có ánh sáng đèn, trong đối tượng được tạo thành lại có ánh sáng đèn, nên lược bỏ việc nêu ra ánh sáng đèn, do chúng biểu thị không có lan can. Vả lại giống như sông Hương, trong dòng sông sao có thể an bày lan can như nêu bước. Rõ ràng tổng tướng thì có Biệt tướng, hoặc không phải suy nghĩ cũng có thể thấy được.

- Số câu: “Đây là phương tiện của sự hội nhập “Không?”: Tức chân không chẳng thể đạt được mà không gì là không đạt được.

- Số câu: “Nhằm hiển bày về Tùy tướng, Ly tướng, không có trước sau”: Tức giải thích việc chính thức dùng ý trước. Muốn đem tính chất vô đắc của Ly tướng để dẫn dắt nẻo có của Tùy tướng ở trước.

Nói: “Nghĩa gồm luôn cả phần sau”: Ý trước là tóm kết phần trước. Ý này là làm phát sinh phần sau, cũng chẳng trụ chấp nơi Ly

Tướng.

- Sở từ câu: “Căn cứ nơi kinh Đại Bát-nhã” tiếp xuống: Là đối chiếu để giải thích “Vô đắc” là phương tiện. Như thanh tịnh tiếp cận tất cả các pháp thì dùng Thanh tịnh làm phương tiện. Như nói “Vô sinh” tức nêu rõ: “Khi hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nhận biết tất cả các pháp là không sinh, đó là Sắc không sinh, Thọ Tưởng hành thức không sinh. Nhãn không sinh, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý không sinh v.v...”

Nay, ở đây, cũng là lược bỏ không nêu phương tiện của thể chủ hội nhập là rộng lớn, lại có nhiều. Chữ “Đẳng” là chỉ che “không nương tựa, không tạo tác, thanh tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng thể lấy, chẳng thể thấy, chẳng thể động, chẳng thể hoại...”

- Sở từ câu: “Nghĩa là sự, pháp đã rỗng lặng” tiếp xuống: Văn nơi phần Sở giải gồm hai:

Một: Giải thích chung.

Hai: Từ câu: “Nghịệp là “Không” nên không có thể” tiếp xuống: Là giải thích riêng. Ở đây có hai ý: Một là chính do duyên sinh nên là Không, tức đả phá kiến giải của Tiểu thừa và Quyền giáo, hiển bày nghịệp chẳng thể làm Nhân để dẫn tới Quả, Quả cũng chẳng thể là Quả đáp lại Nhân. Hai là gồm luôn việc đả phá ngoại đạo: Trong nhân có quả. Ngoại đạo chấp trong Nhân có Quả như nói Sữa là nhân của lạc (bơ) trong sữa vốn có vị lạc. Sau khi thành Lạc cũng có vị Sữa nên nói trong quả có nhân.

- Sở từ câu: “Nếu căn cứ theo Quán tâm”: Trên căn cứ theo Lý của Pháp, chung cho Cảnh, Trí. Nay, căn cứ nơi Quán tâm, thì chỉ là một, là “Chẳng phải là có”, tức gọi là vắng lặng, cũng vô tâm duyên nơi Sự, Lý, mới xưng là vắng lặng. Chẳng mất nơi soi chiếu nên gọi là dụng. Chẳng chấp giữ nơi tướng của dụng tức dụng luôn tịch tĩnh.

- Sở từ câu: “Đây với câu đầu chỉ là chỗ sai biệt của Sự, Lý”: Câu đầu căn cứ nơi Lý, không hội nhập mà hội nhập. Nay căn cứ nơi Sự nên không có chủ thể nhập. Do các pháp tức Sự mà có thể hội nhập sâu, nên viết là: “Tức sự mà nhập vào Huyền diệu”.

- Sở từ câu: “Kinh Đại Bát-nhã nói” tiếp xuống: Là dẫn văn này để phân biệt về nghĩa chẳng đồng. Nghĩa là ý của kinh Bát-nhã lại là “Tức dụng mà vắng lặng”, đồng với kệ nơi phẩm “Thắng Tu Di Sơn Đỉnh”:

*“Không thấy tức là thấy
Nên thấy hết thấy pháp
Nơi pháp nếu có thấy*

Đó là không chỗ thấy”.

Kệ này tức trước biện chính, sau thì nêu ngược lại. Đại Bát-nhã thì trước nêu ngược lại, sau biện chính. Nay thì ý là biện minh Lý chẳng ngăn ngại Sự nên là ý riêng.

- Sở câu: “Câu cuối chẳng có chủ thể nhận thức, đối tượng được nhận thức”: Do câu văn “Chẳng có nơi pháp”. Pháp thì chung cả chủ thể, đối tượng được nhận thức. Do đâu mà có thể biết pháp là chủ thể nhận thức, đối tượng được nhận thức? Do nơi câu sau nói: “Thấy đều nhận biết”. Tức giống nơi kinh Kim Cương: “Như Lai thấy biết thấy thấy”.

- Sở câu: “Đối đãi, giả nói, nên đều chẳng có thể đạt được”: Là nêu ra ý dứt tuyệt nẻo Sự, Lý.

Một là “Môn cùng đối đãi” : Nghĩa là nương nơi Sự để nêu bày Lý, dựa nơi Lý để thuyết minh Sự, như nhân nơi dài có ngắn, ngắn ấy là không thể nắm bắt được.

Hai là “Giả nói”, tức các pháp vắng lặng, vốn dứt tuyệt mọi tên gọi lời nói. Nay cho Sự, Lý đều là giả danh, nên đều dứt tuyệt. Câu trên là chỗ giải thích của phần Sở giải. Câu sau là kinh tự giải thích, xác nhận.

- Sở từ câu: “Chính do sự rỗng lặng” tiếp xuống: Là nêu ra tướng của Sự, Lý không ngăn ngại, là ý chung. Cũng là “Môn Tương Tức” trong mười môn, là nghĩa vô ngại trong ba nghĩa. Diễn giải rộng như đã nói ở trên.

- Sở từ câu: “Bốn câu trên” tiếp xuống: Là dung hợp chung với bốn câu trước.

- Nói “Có mà chưa từng bị tổn hại” : Nghĩa là “Pháp tức là Không” chẳng phải là pháp diệt rồi mới Không. Có mà chưa từng tồn tại, tức có là có của Không. Nói không ẩn giấu, không hiện bày: Nghĩa là Sự còn thì không ẩn dấu, Lý tồn tại thì không hiện bày. Nay cả hai đều mất nên nói chẳng phải ẩn giấu, chẳng phải hiện bày.

- Nói: “Còn mất đồng thời”: Không chẳng ngăn ngại Có nên còn. Có chẳng ngăn ngại Không nên mất.

Nhưng ẩn giấu, Hiện bày đều dựa nơi Lý để biện minh về còn, mất. Cùng căn cứ nơi Sự để nêu bày thì cũng tóm lược bổ sung.

- Sở từ câu: “Bốn câu dung thông” tiếp xuống: Là tổng kết. Đây chẳng phải chỉ là lia Tùy tướng ở trước, mà cũng là lia Ly tướng mới là vô ngại đích thực, thực tế đích thực.

- Sở câu: “Nhân duyên nên có”: Theo cách nêu bày chung thì gồm

có bốn nghĩa:

Một: Duyên sinh nên có.

Hai: Vô tánh nên Không

Ba: Duyên sinh nên Không.

Bốn: Vô tánh nên có.

Nay chỉ chọn lấy hai câu về nhân duyên. Tức pháp từ duyên sinh thì sao có thể nói là không. Hai là theo duyên Vô tánh nên gọi là Không. Hai nghĩa trên tức là hai môn Có, Không.

“Từ nhân duyên nên chẳng có” tức nêu rõ Trung đạo cũng từ Nhân duyên. Đã từ duyên sinh nên có, thì có tức chẳng có, đã từ duyên sinh nên Không, thì Không tức chẳng Không. Hợp với hai câu trước tức là cũng không cũng có. Lý của bốn môn đều từ Nhân duyên.

- Phần sau, Từ câu: “Nhân duyên nên lưu chuyển” tiếp xuống: Là biện giải sinh tử, Niết-bàn cũng đều là Nhân duyên.

- Từ câu: “Cho đến hết thủy” tiếp xuống: Là tóm kết, đối chiếu với trên. Chỗ biện minh về nghĩa chỉ nêu tóm lược mấy nét chính yếu.

- Số từ câu: “Nên Trung Luận viết” tiếp xuống: Là dẫn chứng cho phần “Điều từ nhân duyên”. Nhưng kệ này của Luận, trước có một kệ:

*“Nhân duyên sinh các pháp
 Tôi nói tức là không
 Cũng gọi là giả danh
 Cũng là nghĩa Trung đạo.
 Chưa từng có một pháp
 Chẳng từ nhân duyên sinh
 Do đó, tất cả pháp
 Hết thủy đều là không”.*

Kệ trước cũng có thể làm rõ bốn câu trước thành nghĩa của ba Quán. Nhưng kệ sau đã giải thích kệ trước nên phần Sở giải đã dẫn về phần Luận tóm kết nói:

*“Do đó, tất cả pháp
 Hết thủy đều là không”*

Thì cũng hợp với:

*“Chưa từng có một pháp
 Chẳng từ nhân duyên sinh
 Vì thế tất cả pháp
 Thủy đều là giả danh”*

Lại:

“Vì thế tất cả pháp

Thấy đều là Trung đạo”.

Nay ở đây chỉ chọn lấy nghĩa “Tất cả pháp từ duyên sinh”.

- Sở từ câu: “Hữu vi là duyên sinh” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc. Vướng mắc nêu: “Kinh Đại Bát Niết-bàn có câu: Ta quán sát các Hành thấy đều là Vô thường. Làm thế nào để biết? Là do nhân duyên... Không có một pháp nào không thể từ duyên sinh. Do đó là vô thường. Nhưng hư không, Như Lai, Phật Tánh chẳng từ duyên sinh nên là Thường, tức Vô vi, chẳng phải là Nhân duyên. Vậy sao nói các pháp Hữu vi, Vô vi đều từ nhân duyên?”

Nên nay giải đáp: Từ duyên sinh có hai:

Một: Từ duyên sinh nên có là nghĩa Vô thường.

Hai: Căn cứ nơi duyên để hiển bày thì sao có thể cho chẳng phải là duyên? Nên nói Phật tánh là Liễu nhân thì đối tượng của Liễu ấy há chẳng phải là nhân duyên sinh? Đây là một nghĩa.

Tiếp theo, Từ câu: “Nhân có Hữu vi” tiếp xuống: Là dùng “môn cùng đối đãi” để giải thích “Nhờ nơi Hữu vi”, tức nghĩa từ duyên sinh.

Nói “Hiện rõ, xâm đoạt cùng hết” Tức chính do nơi hiện rõ, xâm đoạt cùng hết nên Vô vi đích thực cũng từ duyên sinh.

- Sở câu: “Luận viết:

Nếu thấy pháp nhân duyên

Tức là thấy được Phật”

Kệ trên cùng với kệ này đều thuộc phẩm Tứ Đế (Trung Luận). Câu sau nói: “Thấy khổ, tập, diệt, đạo” cũng có thể chứng minh cho câu thứ hai.

- Sở câu: “Hãy còn không có hai, huống hồ là có năm”: Là tóm kết, phê phán về năm Tánh.

- Sở câu: “Do Nghiệp thâu tóm Báo v.v...”: Vì kinh chỉ nêu: Cảnh giới của Nghiệp. Nay, Nghiệp thâu tóm Báo nên có nhân quả. Cảnh ấy đối nơi Tâm nên có trong ngoài.

- Sở câu: “Sáu tức Sự hiển bày Lý mà chẳng hủy hoại Sự”: Hữu vi là Sự, Vô vi là Lý. Sự có thể hiển bày Lý, nên nói:

“Ở nơi cảnh giới Hữu vi chỉ rõ pháp Vô vi. Sự tức là Lý, nên chẳng hủy hoại Sự. Nếu hủy hoại nơi Sự thì thành đoạn diệt.

Câu sau nêu ngược lại ý này có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Nếu diệt hoại Hữu vi” tiếp xuống: Là xác nhận bằng cách nêu ngược lại hai ý trên.

Từ câu: “Do vậy nếu căn cứ môn Tương tức” tiếp xuống: Là kết luận, xác nhận nghĩa chính. Trong đó lược nêu có mấy môn:

Một: “Môn Tương tức”

Hai: Từ câu: “Nếu căn cứ nơi vô ngại” tiếp xuống: Là môn Tương thành.

- Lại nói: “Mà chẳng phải là Lý, chẳng phải là Sự” Tức là môn “Chẳng cùng là”.

Tức trong mười môn của “Sự Lý Vô Ngại” là sáu môn:

Môn: “Lý của Chân tức Sự”.

Môn: “Pháp của Sự tức Lý”.

Môn: “Dựa nơi Lý thành Sự”.

Môn: “Sự có thể hiển bày Lý”.

Môn: “Lý của Chân chẳng phải là Sự”.

Môn: “Pháp của Sự chẳng phải là Lý”.

Lại nữa, trước có: “Hiện rõ, xâm đoạt cùng hết”, tức là môn: “Lý của Chân xâm đoạt Sự”, môn: “Sự có thể ẩn giấu Lý”.

Biện giải chung về Vô ngại, tức Sự hiện hữu khắp nơi Lý, Lý biến hiện khắp nơi Sự. tám môn chẳng phải là khác, chẳng cùng là hai, chẳng phải là một. Cho nên phần Số giải tóm kết: “Hữu vi cùng với Vô vi, thể chẳng phải là một, khác”.

- Số từ câu: “Chỉ rõ nghĩa là Hiện thị” tiếp xuống: Là tùy theo chỗ khó mà giải thích riêng.

Hồi hương thứ năm: Hồi hương vô tận công đức tạng.

- Số câu: “Ba câu đầu có thể nhận biết”: Phần còn lại tức nơi kinh nêu ra thứ năm:

Một: Sám hối.

Hai: Lễ kính.

Ba: Khuyến thỉnh.

Bốn: Tùy hỷ.

Năm: Hồi hương.

Hồi hương ở sau. Nhưng từ trước đã có chương riêng phân biệt sáu môn:

Một là Nêu bày chỗ nhiều ít.

Hai là giải thích tên gọi.

Ba là nêu ra Thể.

Bốn là giải thích về Tướng.

Năm là biện minh về lợi ích.

Sáu là hỏi- đáp.

Nay đều nêu đủ, song lược bớt phần nêu ra Thể, phân làm ba:

Một: Nêu rõ chỗ chia, hợp, tức ở kia là nêu chỗ nhiều ít.

Hai: Giải thích tên gọi, biện giải về Tướng.

Ba: Nhận định, phân biệt, bao gồm các môn riêng còn lại.

- Nay, thứ nhất: Là tám Hành.

Nói: “Kinh Ly Cấu Tuệ Bồ tát Sở Vấn”: Gồm một quyển, ý chính là như thường thấy, có thể nhận biết.

Thứ hai: Câu: “Hoặc hợp với Lễ tán”: Làm bảy môn, đều là chỗ dựa vào Sám hối.

Thứ ba: Câu: “Hoặc chỉ là năm”: Do Hồi hương, Phát nguyện chỉ là chỗ khác nhau của chung riêng. Cả hai cùng Nguyện. Hồi hương là chung, Phát nguyện là riêng.

- Nói: “Như Thập Trụ Tỳ Bà Sa”: Tức nơi quyển thứ ba, hẳn đầu nêu rõ, đến quyển thứ tư mới nói về Sám hối. Tức nay là phần Sám hối nơi buổi sáng sớm.

“Là Phát nguyện thứ năm”: Tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn, Xà vương phát nguyện, người sau được an lạc.

Thứ năm: Câu: “văn nay dựa vào đấy”, tức giống như trên có năm.

Thứ sáu: Câu: “Hoặc chỉ có ba” Tức nơi Trí Luận, quyển thứ bảy.

“Nếu dựa nơi kinh Thiện Giới” tức hợp làm hai. Do Lễ tán làm chỗ dựa của Sám hối, dựa nơi đức của người. Hồi hương thì thâm tóm Nguyện cũng thâm tóm luôn Tùy hỷ, Khuyến thỉnh. Cho nên phần tóm kết nói: “Tùy theo lúc mà nêu rộng, tóm lược”.

Lại “Tùy thời”: Tức xem chỗ thích hợp nơi thời mà sử dụng có rộng hay lược tóm. Tuy nhiên, ngày đêm ba thời thì không nên thiếu.

- Sở từ câu: “Nhưng Sám gọi là bộc lộ bày tỏ, “ tiếp xuống: Là phần thứ hai, giải thích văn, tức giải thích tên gọi, biện giải về tướng. Bốn Sự tức là bốn đoạn.

Thứ nhất là giải thích về Sám hối.

Là giải thích tên gọi hai chữ Sám hối. Từ xưa đã có hai cách giải thích. Nay nơi phần Sở giải nêu là cách giải thích của Tông Thiên Thai, cũng chung cả hai phần Hán, Phạm.

Hiện tại giải thích tức nửa Phạm nửa Hán. Sám hối tiếng Phạm là Sám ma, Hán gọi là Thỉnh Nhẫn. Hối là chữ Hán. Thể là chán ghét việc đã làm (ô tác), chán ghét lỗi lầm từ trước của mình nên cầu xin Tam Bảo chịu nhận cho sự ăn năn hối cải đối với lỗi lầm kia.

Riêng nói chữ “Hối”, thì chẳng phải là sáu cách giải thích. Hợp cả hai tức giải thích theo “Y chủ”.

Trên đây là giải thích tên gọi.

Hai là câu: “Dứt trừ nghiệp chướng xấu ác nên phải Sám hối”: Tức biện giải về lợi ích của Sám hối, cũng là ý nghĩa của Sám hối.

- Sở từ câu: “Nhưng Sám hối có hai thứ” tiếp xuống: Là biện giải về tướng.

- Sở câu: “Như kinh Phương Đẳng”: Tức trong kinh nêu rõ về những nghi thức tiến hành việc Sám hối: Nơi chốn, các hình thức hỗ trợ bản thân người Sám hối v.v...

- Sở câu: “Như nơi kinh Tịnh Danh có đoạn” : Tức nơi phẩm Đệ Tử, chương Tôn giả Ưu Ba Ly. “Tôn giả Ưu Ba Ly bạch Phật : Nhớ lại lúc trước có hai vị Tỳ kheo phạm giới, lấy làm xấu hổ, không dám hỏi đức Phật , nên đến hỏi con: Dạ kính bạch Tôn giả Ưu Ba Ly, chúng con phạm giới, thật là xấu hổ, không dám hỏi đức Thế Tôn, xin Tôn giả giải tỏa chỗ hoài nghi và hối hận cho chúng con đối với lỗi lầm này. Con liền giải thích giảng nói đúng theo pháp cho hai vị ấy nghe. Bấy giờ, Trưởng giả Duy Ma đến thưa với con: Kính thưa Tôn giả Ưu Ba Ly! Xin Tôn giả đừng làm tăng thêm tội của hai vị Tỳ kheo này. Tôn giả nên diệt trừ thẳng nơi tội, đừng làm rối loạn tâm họ. Vì sao? Vì Tánh của tội ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, không ở giữa. Như đức Thế Tôn đã dạy, tâm cấu uế nên chúng sinh cấu uế, tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh. Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, chẳng ở giữa. Tâm cũng như thế thì tội cũng vậy, các pháp cũng như vậy, chẳng ra ngoài Như Như. Như khi Tôn giả đem tâm tướng vốn thanh tịnh để thực hiện giải thoát thì tâm tướng ấy có cấu uế chẳng? Con đáp là không. Trưởng giả Duy Ma lại nói: Tâm tướng của hết thảy chúng sinh không cấu uế cũng lại như thế. Kính thưa Tôn giả! Vọng tướng là cấu uế, không vọng tướng là thanh tịnh. Chấp giữ nơi ngã là cấu uế, chẳng chấp giữ nơi ngã là thanh tịnh. Điên đảo là cấu uế, chẳng điên đảo là thanh tịnh. Tất cả các pháp như mộng huyễn, như ánh lửa bùng lên, như trăng trong nước, như hình tượng trong gương, đều do vọng tướng sinh. Biết được như vậy là tuân giữ giới luật. Rõ được như thế gọi là khéo hiểu giới luật...”

Đây là toàn bộ nói quán về Lý để chê trách về Sự.

- Sở câu: “Nếu dựa nơi Quán Phổ Hiền cùng phần sau phẩm Tỳ Lô Hảo”: Tức thứ nhất là khiến ngày đêm sáu thời, đối nơi mười phương Phật, Bồ tát Phổ Hiền, sám hối khắp sáu căn, tức là Sám hối thuộc về Sự, lại khiến quán nơi tâm, khiến tội này rộng không, thì Tuệ ấy cùng với tâm tướng ứng, tức là Sám hối thuộc về Lý. Như trước giải thích về Phật Tỳ Lô Giá Na đã nêu dẫn kinh. Nay khi thường dùng “Tất cả

nghiệp chướng, đều từ vọng tưởng sinh” tức nơi kinh kia, đoạn sau là kệ chung, đều là Sự Lý cùng biện minh, theo ý của phẩm Tùy Hảo, đến phần sau sẽ nêu rõ.

- Số câu: “Gọi là lễ kính” Đây là nhắc lại Hành thứ hai nơi văn kinh.

- Từ câu: “Diệt trừ ngã mạn” tiếp xuống: Là phần giải thích của số.

Thứ nhất: Là nêu rõ về lợi ích của Hành, do Ngã mạn nên chẳng thể Lễ kính. Nay đã phá bỏ núi Ngã mạn, tức là trừ ác, khởi lòng tin kính điều thiện, tức thành đức, cả hai đều là lợi ích của Hành.

- Từ câu: “Nên Tam Tạng Lạc Na nói” tiếp xuống: Là biện giải về Tướng. Bảy thứ trước là ý của Tam Tạng. Ba thứ sau là phần Số giải dùng nghĩa để thêm vào, chỉ lược nêu, không giải thích tên gọi, là do dễ nhận biết.

Nhưng nơi loại thứ ba là “Cung kính lễ” nói: “Năm Luân gieo sát đất”, tức kinh Ly Cấu Tuệ viết: “Mỗi mỗi phát nguyện, trước hết đều nên nguyện chung: Con nay năm Luân hướng về Phật làm lễ, vì nhằm đoạn trừ năm đường, lìa bỏ năm sự phủ che, nguyện cho các chúng sinh luôn được an trụ nơi năm Thông chẳng hoại, có đầy đủ năm loại mắt. Nguyện khi đầu gối bên phải của con chạm sát đất thì khiến cho các chúng sinh đạt được đạo chánh giác. Nguyện khi đầu gối bên trái của con chạm sát đất thì khiến cho các chúng sinh đối với pháp của ngoại đạo chẳng khởi tà kiến thấy được an lập trong đạo chánh giác. Nguyện khi tay phải của con chạm sát đất cũng giống như Đức Thế Tôn an tọa nơi tòa Kim Cương, đưa tay phải chỉ xuống đất thì đại địa chấn động, hiện ra điều lành, chứng đắc đạo Đại Bồ đề. Con nay cũng thế, cùng các chúng sinh đồng chứng đắc đạo quả giác ngộ. Nguyện khi tay trái của con chạm sát đất, khiến cho các chúng sinh xa lìa những hàng ngoại đạo, kẻ khó điều phục thì dùng bốn Nhiếp pháp để thu tóm, giữ lấy, khiến họ đi vào nẻo chánh đạo. Nguyện khi đỉnh đầu con chạm sát đất, khiến cho chúng sinh lìa bỏ tâm kiêu mạn, đều thành tựu được tướng Vô Kiến đánh”.

Các nghĩa còn lại có thể suy xét nhận biết.

- Số câu: “Gọi là Khuyến thỉnh”: Ở đây là nhắc lại Hành thứ ba. Phần tiếp sau là Số giải thích, gồm ba:

Một: Từ câu: “Diệt trừ chướng ngại là hủy báng chánh pháp” tiếp xuống: Là biện minh, xác nhận về lợi ích.

Hai: Từ câu: “Hàng Thanh văn tự độ” tiếp xuống: Là nêu ý nối

tiếp.

Ba: Từ câu: “Vấn ở đây lược nêu” tiếp xuống: Là biện giải về tướng.

- Số câu: “Trí Luận lại thêm Thỉnh Phật trụ thế”: Như Luận Thập Trụ thập Tỳ Bà Sa cũng có phần Thỉnh trụ thế. Luận viết: “Hết thầy chư Phật trong mười phương hiện tại thành đạo, con kính xin chuyển Pháp Luân đem lại an lạc cho chúng sinh. Tất cả chư Phật trong mười phương, như muốn xả bỏ thọ mạng, con nay đầu mặt kính lễ khuyến thỉnh khiến trụ thế lâu dài”.

- Số câu: “Kinh Chiêm Sát v.v...”: Kinh nêu đủ năm thứ Sáu hồi. Phần Khuyến thỉnh viết: “Xin nguyện hết thầy Bồ tát trong mười phương, chưa thành chánh giác thì nguyện mau chóng thành chánh giác. Các vị đã thành chánh giác rồi thì nguyện thường trụ nơi thế gian, chuyển chánh pháp luân, chẳng nhập Niết-bàn.”

Giải thích: Đây tức gồm đủ ba Hành.

- Số từ câu: “Câu tiếp theo, nhân nghe pháp nên dấy khởi” tiếp xuống: Tức kinh tự biện giải, xác nhận ích lợi của sự Khuyến thỉnh.

Câu: “Rõ tướng tác ý”: Tức là nghĩa của bảy Tác ý như ba địa đã giải thích.

- Số câu: “Gọi là Tùy hỷ” Đây là nêu rõ về Hành thứ tư.

Từ câu: “Vì vui mừng đối với” tiếp xuống: Là giải thích, gồm ba:

Một: Biện minh về tên gọi của Hành.

Hai: Từ câu: “Diệt trừ ganh ghét” tiếp xuống: Là nói về lợi ích của Hành.

Ba: Từ câu: “Nhưng nơi Luận Thập Trụ, Trí Luận” tiếp xuống: Là biện giải về Tướng. Tuy nhiên Trí Luận phần nhiều giống với Thập Trụ Tỳ Bà Sa. Luận Tỳ Bà Sa viết: “Mọi phước đức hiện có của Bồ thí, Trì giới, Tu Thiền định, từ thân khẩu ý phát sinh. Những vị tu học nơi ba Thừa trong quá khứ vị lai, hiện tại hiện có, những vị tu tập đầy đủ theo giáo pháp Nhất thừa, hết thầy phước đức của hàng phàm phu, đều theo đấy mà hoan hỉ”.

Giải thích: ba câu đầu kia là chung cho ba đời chư Phật.

- Số từ câu: “Phẩm Tùy hỷ nơi kinh Đại Phẩm Bát-nhã” tiếp xuống: Là trở lại chỉ rõ, xác nhận về lợi ích của Tùy hỷ, giải thích công đức của Thiện căn bình đẳng.

Thứ nhất là dẫn kinh Đại Phẩm Bát-nhã, tức nơi quyển thứ mười bảy.

- Tiếp theo là dẫn kinh Pháp Hoa, tức nơi quyển thứ sáu, phẩm thứ mười tám: Tùy hỷ công đức. Kinh viết: “Bấy giờ, Bồ tát Di Lạc thưa với Phật Thế Tôn! Như có người nghe kinh Pháp Hoa này mà tùy hỷ thì đạt được bao nhiêu phước đức? Bồ tát liền đọc kệ:

*“Sau khi Phật diệt độ
Có người nghe kinh này
Như có thể tùy hỷ
Đạt được bao nhiêu phước?”*

Phần đáp lại của Phật nơi kinh đã nêu rộng, ở đây sẽ lược dẫn... Nghĩa là có người ở trong pháp hội nghe được kinh Pháp Hoa này, sinh tâm tùy hỷ, sau đó ra khỏi pháp hội đi đến các nơi chốn khác, chuyển giảng nói cho người thứ hai, người này lại giảng nói cho người thứ ba, lần lượt như thế cho đến người thứ năm mươi. Về chỗ công đức đạt được do tùy hỷ của Thiện nam Thiện nữ thứ năm mươi này, Như Lai nay sẽ nêu giảng rõ. Nếu như bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới có chúng sinh sáu nẻo đầy khắp trong đó, có người cầu phước, đối với mỗi mỗi chúng sinh cung cấp các thứ vật báu như vàng bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách đầy cả cõi Diêm-phù-đề, cho đến voi ngựa xe cộ, nô tỳ, lầu gác bằng bảy báu, so với công đức tùy hỷ của người thứ năm mươi nghe kinh Pháp Hoa kia thì trăm phần chẳng được một, thậm chí dùng tính toán thí dụ cũng chẳng thể nhận biết hết được!” Phần tiếp sau, tóm kết nói: “Huống chi là người đầu tiên ở trong pháp hội được nghe kinh mà tùy hỷ”.

Giải thích: Đây là nhằm hiển bày tính chất nhiều của công đức.

Từ câu: “Đây là căn cứ sự Tùy hỷ về công đức quyền thật của Như Lai” tiếp xuống: Là phần Sơ giải nêu ra nguyên do của việc đạt được nhiều công đức kia.

Kinh Đại Phẩm chỉ biện minh chung về phước đức của Tùy hỷ. Nay căn cứ trong đối tượng được Tùy hỷ mà phân ra hơn kém, tức Tùy hỷ của cảnh giới thù thắng thì phước đức càng nhiều.

- Nói “Công đức quyền, thật”: Tức ý nơi kinh Pháp Hoa. Kinh nói: “Kinh Pháp Hoa này là mở bày cửa Phương tiện (Quyền) chỉ rõ tướng chân thật (Thật), trí tuệ của Như Lai là hết mực sâu xa vô lượng (Thật), nhưng cửa Trí Tuệ kia khó lãnh hội, khó vào (Quyền), nên ở nơi một-Phật thừa phân biệt giảng nói làm ba là từ Thật chia ra Quyền. Trong các cõi Phật khắp mười phương, chỉ có pháp của một Thừa, không có hai cũng không có ba: Là hợp ba quy về một, là hợp Quyền quy về Thật. Đức Thế Tôn giảng nói giáo pháp, đã lâu sau này phải giảng nói

về chân thật, là thật. Phật dùng diệu lực của phương tiện để chỉ rõ về ba Thừa giáo, là Quyền. Hai mươi tám phẩm, văn của “Ba chu” trong hai mươi tám phẩm chính là nhằm hiển bày về tri kiến quyền thật của Như Lai... Nay có thể Tùy hỷ nên công đức khó lường. Người đầu tiên nghe được, tùy hỷ, thì gần là đạt được sáu căn thanh tịnh, xa thì mau chóng thành tựu quả Phật. Cho nên viết là: “Phước đức ấy càng nhiều”.

- Số từ câu: “Nhưng Phật là duyên thù thắng dứt trừ mọi tội” tiếp xuống: Là phần thứ ba, nhận định, phân biệt. Có ba môn:

Một: Biện minh về thứ lớp.

Hai: Từ câu: “Nhưng năm quả của Lễ v.v...” tiếp xuống: Là biện giải về quả báo.

Ba: Từ câu: “Căn cứ nơi Giáo chẳng đồng” tiếp xuống: Là căn cứ theo giáo để phân biệt, định rõ.

Nói “Có thể suy xét”: Tức như phần trước nói về Lễ Phật có mười lớp, thì lớp một, hai chẳng phải là nghi thức, khiến biết rõ là chẳng phải nên là biện giải.

Ba là chung cho Tiểu thừa Quyền giáo.

Bốn là Thủy giáo, thuận hợp với nghĩa Không.

Năm là Chung giáo thông hợp cả Lý Sự.

Sáu, Bảy là Đốn giáo, chỉ lễ Phật nơi Tâm.

Tám là thông hợp cho Chung giáo cùng nhất Thừa giáo.

Ba loại sau hợp thành Viên giáo:

Thứ tám là chủ thể Lễ, một gồm đủ tất cả.

Thứ chín là dung hợp cả sâu cạn, Sự tùy theo Lý dung thông nên Sự Sự Vô Ngại.

Mà nói “Thâu tóm sáu phần trước”: Tức một, hai chẳng phải là nghi thức nên chỉ lễ Phật nơi Tâm.

Thứ mười là trùng trùng vô tận.

Phần sau của Kinh viết:

*“Trong một chân lông thấy thấy rõ
Vô lượng Phật chẳng thể nghĩ bàn
Tất cả chân lông đều như thế
Lễ khắp hết thấy đèn thế gian
Cử thân thứ lớp cung kính lễ
Vô biên các tối thắng như vậy
Cũng dùng ngôn từ xưng tán khắp
Cùng tận hết thấy kiếp vị lai
Chỗ cúng dường đủ một Như Lai*

Số ấy là Vô lượng chúng sanh”.

Lại nữa, Phẩm Phổ Hiền Hạnh có câu:

*“Ở trong một vi trần
Thấy tất cả chư Phật
Chúng Bồ tát vây quanh
Trần pháp giới cũng thế
Mỗi mỗi chốn Như Lai
Lẽ khắp hết thủy côi”.*

Nếu dựa vào chỗ Lẽ này, một Lẽ tức không có tận cùng, nên công đức há có thể lường tính được? Bấy môn còn lại có thể theo đây mà xét.

- Số câu: “Lại nữa, trong hai đoạn này đã gồm đủ mười tám thứ viên mãn: Tức dựa nơi Phật Địa Kinh Luận. Mười tám thứ này trong Phẩm Hoa Tạng đã nêu ra và giải thích đủ. Nay văn nơi kinh nêu ra, phần Số giải chỉ theo văn mà phối kết, chỗ khó thì giải thích. Ở đây, phần Sao lại dựa nơi Kinh Luận kia, nhắc lại chỗ phối kết nơi kinh. Luận viết: Kinh nói: Đức Thế Tôn an trụ nơi chốn tối thắng, được trang nghiêm bằng bảy báu, ánh sáng rực rỡ phóng ra hào quang lớn soi chiếu khắp tất cả vô biên thế giới (Hiện bày sắc Viên mãn) Vô lượng phương sở bày ra những khoảng đẹp đẽ, vi diệu (Hình sắc viên mãn), chu vi là không bến bờ, dung lượng khó lường tính (Phân lượng viên mãn) vượt hơn hẳn nơi chốn hành hóa trong ba cõi (Phương sở viên mãn) Hơn chỗ dấy khởi thiện căn xuất thế gian (Nhân viên mãn) Thức thanh tịnh tột cùng là Tướng (Quả viên mãn) chỗ thâm tóm của Như Lai đủ (Chủ viên mãn) Chỗ cùng vân tập của các chúng Đại Bồ tát (Là phần hỗ trợ viên mãn), Vô lượng chủ Thiên, Rồng, Người, hàng phi nhân v.v... luôn theo hầu cận (Quyến thuộc viên mãn) Pháp vị rộng lớn là chỗ duy trì sự hoan hỉ, an lạc (Là sự an trụ giữ gìn viên mãn). Tạo ra hết thủy nghĩa lợi cho các chúng sanh (Sự nghiệp viên mãn) xa lìa các Ma (Vô úy viên mãn), vượt qua các thứ trang nghiêm theo y báo trang nghiêm thường có của Như lai (Y xứ trang nghiêm) Hành Niệm Tuệ lớn dùng làm con đường du hóa (con đường viên mãn), Chỉ lớn Quán diệu dùng làm Nhất Thừa (Thừa viên mãn). Đại không, vô tướng, vô nguyện giải thoát là cửa để hội nhập (Cửa viên mãn). Vô lượng công đức là chỗ trang nghiêm khắp cõi. Hoa vương bằng báu lớn là chỗ kiến lập của hết thủy. (Chỗ nương tựa, giữ gìn viên mãn). Trong cung điện lớn, Luận viết: “Ở đây là hiển bày trú xứ viên mãn của Như Lai, nghĩa là cõi Tịnh của Phật do mười tám sự thanh tịnh viên mãn tạo thành, nên nói là Viên mãn.”

Phần tiếp theo nêu ra mười tám thứ viên mãn xong, đoạn sau là tóm kết viết: “mười tám thứ viên mãn như thế, tức các thứ viên mãn ấy đã trang nghiêm cho cung điện, gọi là cõi Tịnh của Phật. Phật an trụ trong cung điện lớn như thế thuyết giảng Khế kinh này”.

Giải thích: Phần sau theo chỗ giải thích của Số là dựa nơi kinh hiện nay. Tiếp đến là giải thích nghĩa tức văn của Luận giải thích rộng.

- Số từ câu: “Thứ nhất, trước là nêu lên Thời để biện giải về Xứ”: Trong chỗ tổng quát này số lượng có nhiều. Cõi rộng lớn trang nghiêm của chỗ Phật, số lượng như tất cả các vi trần, trong đó đã có đầy đủ tướng viên mãn. Như bày ra các khoảng phương xứ tức là phương xứ viên mãn. “Không có phân lượng” tức Phân lượng viên mãn. “Chỗ hiện bày của Thức thanh tịnh chỉ có Phật mới đạt tận cùng”, tức là Thức thanh tịnh A-lại-da hiện bày nơi cõi Tự Thọ dụng. Năm Tịnh thức còn lại hiện bày nơi cõi biến hóa. “Chỉ có Phật mới đạt tới tận cùng” tức tám Thức chuyển thành Trí chỉ có Phật mới đạt tới tận cùng. Cho nên chỗ thấy được một phần của Địa thứ nhất là thấy về Tha Thọ dụng. Tuy chỗ hàm chứa có sự khác biệt nhưng ý đều là chung.

- Số từ câu: “Một là biện giải về Nhân viên mãn” tiếp xuống: Là nêu tổng quát.

Từ câu: “Câu đầu cũng chung cũng riêng” tiếp xuống: Là giải thích riêng. Phần riêng gồm năm câu.

“Cũng chung cũng riêng” là Hành Nghiệp thanh tịnh với chỗ phát xuất, chỗ dẫn nhập.

Trong phần sau nói về “Cũng chung” là Hành Nghiệp tự lợi, chiêu cảm gần là chỗ phát xuất, Hành nghiệp lợi tha cùng với vật là duyên nên gọi là chỗ dẫn nhập. Do đó phần giải thích nói: “Tùy theo nghiệp mà biện bày” thì nghiệp ấy tức là nghiệp của đối tượng được hóa độ. Dùng nghiệp của Bồ tát, chúng sinh làm nhân, cảm ứng gần là cõi Biến hóa của Tha Thọ dụng. Chỗ lợi tha của Như Lai là Tăng thượng duyên, theo nghiệp của các chúng sinh khác mà thành, nên gọi là dẫn nhập. Như suối có thể thành ao hồ, gọi là “Chỗ phát xuất”. Đào ao hồ để đưa nước vào thì nước ấy gọi là “Chỗ dẫn nhập. Chính là đồng với phẩm Thế Gian đã dẫn nghĩa của Đại Sư Đạo Sinh, cho rằng “Đạt đến cõi Tịnh chẳng phải là tạo tác. Tạo tác nơi cõi là loại chúng sinh”.

- Số từ câu: “Riêng tức chỉ căn cứ nơi Thọ dụng” tiếp xuống: Là giải thích câu: “Cũng riêng” ở trên. Gồm ba:

Một: Biện minh tổng quát.

Hai: Dẫn Luận để thành lập nghĩa của hai Nhân.

Ba: Chỉ rõ Thể của hai Nhân.

Một: Nhân duyên phát sinh gần, gọi là “Phát xuất”. Duyên tăng thượng xa gọi là “Dẫn nhập”.

- Sở từ câu: “Nên Luận Phật Địa nói” tiếp xuống: Là phần hai, dẫn Luận để thành lập nghĩa của hai Nhân. Trong đó có ba nghĩa:

Thứ nhất: Chỉ lập Nhân duyên. Ở đây đã bao hàm hai pháp. Một là Tịnh Thức của Như Lai, hai là pháp thiện vô lậu, kết hợp cả hai làm Nhân. Cũng giống như sự huân tập về đa văn, cùng với Tánh thông tỏ trong A-lại-da hợp làm Nhân. Nhưng chỗ nêu dẫn Luận là tóm lược. Nếu dẫn đủ là: “Tức nơi cung điện lớn dùng các pháp xuất thế gian như Trí không phân biệt, Hậu Đắc Trí, với thiện căn làm Nhân mà được sinh khởi, chẳng phải là không nhân...”

Thứ hai: Từ câu: “Có nghĩa, chỉ là tăng thượng duyên sinh” tiếp xuống: Nêu ra lý do gọi là do pháp bên ngoài. Nghĩa là do Thức sinh Thức có thể là nhân duyên. Cõi Tịnh sinh từ bên ngoài thì đâu là nhân duyên? Cõi bên ngoài tức là Tăng thượng quả, nên là Tăng thượng duyên.

Thứ ba: Từ câu: “Có nghĩa, cũng là nhân duyên” tiếp xuống: Là cùng lập cả hai. Chẳng phải do chỉ dùng nhân duyên, mà cũng dùng Tăng thượng duyên, cũng chọn nhân duyên, nên viết là: “Cũng chưa là chủ thể phát sinh gần” tức nêu ra nghĩa về nhân duyên.

Từ câu: “Nếu chẳng như thế” tiếp xuống: Là phản bác lại chỗ vấn nạn. Tất cả các pháp bên ngoài được thành lập đều nhờ sự huân tập các pháp bên trong làm nhân, nêu rõ là có nhân duyên, nên nói: “Nếu chẳng như thế thì phải là không có nhân duyên. Không có thì phi lý”.

Tiếp theo nói: “Pháp bên ngoài cùng đối chiếu chẳng phải là nhân duyên”: Là chính thức xác nhận nghĩa trên, đem nghĩa của vị sư thứ nhất làm vấn nạn đối với vị sư thứ hai: “Ông đã cho pháp bên ngoài nên chỉ Tăng thượng duyên là pháp bên ngoài, tức chẳng được lập nơi nhân duyên.” Nay cho bên ngoài nhờ sự huân tập bên trong nên nêu rõ là có nhân duyên. Như thế, bên trong huân tập cho bên ngoài, đã chẳng phải là cùng loại, sao gọi là nhân duyên? Nhưng cảnh là hoàn toàn do Tâm biến hiện tức Tướng phần của tám Thức cũng chẳng lìa Tâm, nên cũng là nhân duyên. ý là dùng nhiều nghĩa sau làm chính.

Thứ tư là phần chọn lựa xét đoán của tác giả bản Sở giải, gồm luôn việc hiển bày là chung cho hai nghĩa.

- Sở từ câu: “Có chỗ cho rằng: Quả báo chiêu cảm nơi cõi Tịnh là do chủng tử của bốn Trần làm nhân chính” tiếp xuống: Là phần ba, nêu

ra Thể của hai Nhân. Chủng tử của bốn Trần hoàn toàn ở trong Thức, tức chủng tử của Tướng phần trong tám Thức.

Nói: “Hoặc dùng phần đạt được về sau của Tự lợi”: Trên nói sáu độ muôn Hạnh tức chung cho hai lợi. Đây là căn cứ vào nghĩa riêng của Duy Thức, dùng phần đạt được về sau của lợi tha làm duyên cho cõi biến hóa của Tha Thọ dụng, nên dùng phần đạt được về sau của Tự lợi làm duyên cho cõi Tự Thọ dụng.

- Số từ câu: “Dựa theo tông chỉ của kinh này” tiếp xuống: Là chính thức phân biệt chỗ khác với văn trước, chỉ dùng Tự lợi làm Duyên cho Tự Thọ dụng, nên Hành của hai lợi cùng dùng cõi của Tha Thọ dụng.

Từ câu: “Do đều là” tiếp xuống: Là nêu ra lý do của sự cùng chung. Cho nên chỉ rõ như phẩm Thế Giới. Trong phẩm Vấn Minh, chương Hiền Thủ cũng đã biện minh. Phần còn lại có thể theo đấy mà xét.

- Số câu: “Hiện tạo ra tất cả nghĩa lợi cho hết thảy chúng sinh”:

Tức là văn của Luận Phật Địa, chỉ lược nêu phần chính yếu. Nếu dẫn đầy đủ là: “Như cõi Tịnh ấy, mọi sự nhận lãnh, duy trì đều viên mãn thì tạo được sự nghiệp gì? Tức tạo ra tất cả nghĩa lợi cho hết thảy chúng sinh, nghĩa là ở trong ấy có thể hiện bày, tạo ra tất cả nghĩa lợi cho hết thảy chúng sinh. Hoặc khiến cho tất cả chúng sinh tự tạo ra nghĩa lợi”.

Nhưng mười tám thứ viên mãn đều khởi đầu nhờ nêu câu hỏi mà sinh khởi. Tiếp theo là dẫn kinh để giải đáp. Sau là dùng Luận để giải thích. Lại đều căn cứ nơi cung điện để biện minh.

Nay, chỗ biện minh mới là nêu bày chung, do câu hỏi nên dễ nhận biết nên đều không dẫn ra.

- Số từ câu: “Từ đầu tiên đạt được Phật” tiếp xuống: Tức là văn của Luận Duy Thức. Nhưng Luận viết: “Biến chuyển tương tục là cõi Phật thuần tịnh”. Nay không có chữ “Biến” thì chính là chỗ giải thích nghĩa.

Tức là, tuy lại biến hóa tương tục, nhưng chẳng giống với cõi Tha thọ dụng trước sau biến đổi, nên chẳng gọi là “Biến”.

Nói: “Về không gian bao trùm khắp thế giới nên gọi là không biên vực”: Tức Luận Duy Thức như trước đã dẫn. Phần sau của Luận viết: “Chu vi không bờ bến”. Trong kinh Phật Địa cũng giống với Luận Phật Địa. Lại nói: “Không biên vực”: Tức là không có chỗ sai biệt về dài ngắn, hình tướng khó lường tính. Phần sau nói về Tha thọ dụng đều như Phẩm Thế Giới.

- Số từ câu: “Quả viên mãn” tiếp xuống: Là dẫn Cảnh Trí v.v...

tức nơi Phẩm Thế Giới. Luận Phật Địa viết: “Tịnh thức tự tại tột bậc là Tướng”.

- Sở từ câu: “Ba vô lượng tiếp xuống: Là giữ viên mãn” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm ba:

Một: Nêu dẫn kinh Phật Địa.

Hai: Từ câu: “Nay trong văn” tiếp xuống: Là giải thích văn.

Ba: Từ câu: “Kinh Phật Địa chỉ căn cứ” tiếp xuống: Là lãnh hội Luận Phật Địa.

Một: Nhưng nơi Luận kia trước nêu câu hỏi: “Cõi Tịnh như thế với các môn đã viên mãn thì như các cung điện còn lại phải có chỗ nương tựa? Nên tiếp theo cần nói về “Chỗ nương dựa duy trì viên mãn”, “Là chỗ trang nghiêm của vô lượng công đức là chỗ kiến lập của Hoa vương bằng báu lớn”.

Nay, phần Sở giải dẫn kinh nói: “Là chỗ nương tựa, duy trì”, do trước không nêu câu hỏi, nên sau chẳng dẫn phần giải thích. Do đó, chỉ tóm kết để quy về tên gọi.

Ba: Là lãnh hội Luận kia. Phần này gồm hai: (Nhưng chỉ nêu có một, phần hai không có).

Một là nêu ra ý của Luận ấy. Do Luận giải thích rộng, song chỉ căn cứ nơi Hoa. Luận viết: “Nghĩa là như đại địa dựa nơi Phong Luân v.v... Hoặc như cung điện nơi thế gian phải dựa vào đại địa. Cõi Tịnh như thế với vô lượng công đức đã trang nghiêm khắp, Hoa sen vua màu hồng bằng báu lớn đã kiến lập nên, tức Hoa sen hồng bằng báu lớn đã tạo thành cõi tịnh. Báu lớn như vậy với vô lượng công đức là chỗ dấy khởi của các pháp thiện. Ở trong các thứ báu là hơn hết nên gọi là Lớn. Hoa sen hồng ấy, đối với các thứ hoa là thù thắng bậc nhất, nên gọi là “Hoa vương”. Hoặc hoa báu đó, so với các Bồ tát đã dấy khởi thiện căn thì Hoa sen hồng là tối thắng nên gọi là “Đại Phật Pháp”. Vương là chỗ dấy khởi thiện căn tối thắng của Phật, nên gọi là Vương. Lại nữa, hoa báu này hết sức khó đạt được, nên gọi là Báu lớn. Trong Hoa là tối thắng nên gọi là Hoa Vương. Lại nữa, Hoa lớn ấy chẳng phải là một. Hoặc nhụy hoa nhiều nên gọi là “chúng”.

Giải thích: Đây tức chỉ căn cứ nơi Sự. Do xem công đức trang nghiêm là thuộc nơi Phật. Nếu đem công đức vô lượng chung cho Lý, tức Phật Địa cũng có Phật lực thọ nhận, duy trì. Cho nên phần Sở giải nói: “Công đức cũng chung cho cả Lý, Sự”. Toàn bộ chỗ có của Như Lai hoàn toàn giống nơi kinh Phật Địa. Luận giải thích viết: “Tức là, nơi cung điện lớn chư Phật Thế Tôn là chủ, chẳng phải là ai khác. Do

thù thắng nên chỉ thuộc nơi Thế Tôn. Hoặc chỉ thuộc chỗ trụ trì, đầu tóm, nhận lấy của Thế Tôn. Chẳng phải là chỗ người khác có thể làm được”.

- Sở câu: “Chỗ phụ giúp viên mãn”: Luận Phật Địa viết: “Cõi Tịnh như thế, về chủ đã viên mãn, nên có chỗ phụ giúp cho chủ, ắt đầu tóm thọ nhận sự phụ giúp. Kinh kia nói: “Là chỗ vân tập của các chúng đại Bồ tát”. Luận viết: “Tức là nơi cung điện lớn có vô số đại Bồ tát tăng cùng vân tập. Các vị đến tụ họp gọi là “Hỗ trợ”. Đã có các đại Bồ tát tăng như thế luôn đến hỗ trợ, nên không có kẻ oán địch có thể gây hại. Các hàng Thanh văn không có sự việc như vậy.

Về “Quyến thuộc viên mãn” thì kinh Phật Địa nói: “Vô lượng chủ Thiên, Rồng, Người, hàng phi nhân v.v... thường tháp tùng. Nay vẫn không có chỗ này, nên được đầu tóm nơi “Các chúng”.

Tuy nhiên, đều là Bồ tát hóa thành để chỉ rõ cõi Tịnh là chẳng không. Tức Luận kia giải thích chỗ vướng mắc do vấn nạn. Vấn nạn nêu: “Vì sao cõi Tịnh đã vượt quá mọi nơi chốn hiện hành của ba cõi, mà lại có chư Thiên v.v. Dùng làm quyến thuộc? Chư Thiên v.v... đều thuộc về trong ba cõi.

Đáp: Tịnh Thức như thế là đầu nhận mọi sự biến hiện làm trang nghiêm cõi Tịnh, nên chẳng có sự chống trái. Hoặc vì để đem lại sự thành tựu đầy đủ cho đối tượng được hóa độ là chúng sinh, nên đã thị hiện các thứ biến hóa như vậy. Tức như kinh A-di-đà có đoạn: “Các thứ chim ấy, đều là do Phật A-di-đà, muốn khiến cho pháp âm được nêu bày, ban bố khắp nên đã biến hóa, tạo ra”. Luận viết: “Hoặc các vị Bồ tát hóa làm vô lượng thân tướng chư Thiên, Rồng v.v... an trụ trong cõi Tịnh để cúng dường Phật. Hoặc tự hóa thân làm chư Thiên, Rồng v.v... Để tháp tùng Như Lai, do đó không có lỗi”.

- Sở câu: “Thứ nhất là biện minh về phương, sở viên mãn”: Đây tức là nêu lên tên gọi. Luận viết: “Cõi Tịnh như thế thì phân lượng viên mãn là đồng với ba cõi hay là chẳng đồng? Đáp: Là vượt quá mọi nơi chốn hiện hành của ba cõi.” Luận giải thích: “Tức là cung điện lớn với xứ sở phương vực đều vượt quá mọi chốn hiện hành của ba cõi. Chẳng phải như ba cõi, tự nơi địa của mình ái pháp” chấp làm cái có của mình, tức cảnh sở duyên tương ứng với hai phước tùy tăng là quả dị thực và tăng thượng của mình. Như thế cõi Tịnh chẳng phải như chấp giữ thọ nhận của ái trong ba cõi nên lìa bỏ hai sự trói buộc (phước) chẳng phải là quả tăng thượng dị thực kia. Như Niết-bàn v.v. Đã vượt quá quả dị thực của ba cõi”. Cho đến nói: “Cõi Tịnh như thế là đồng một nơi chốn

của ba cõi hay là đều riêng biệt?

- Có nghĩa: Riêng có nơi chốn tức nói tại cõi Trời Tịnh Cư, cũng có chỗ nói tại Tây Phương v.v...

- Có nghĩa: Cõi Tịnh cùng nơi chốn với chu vi không có biên vực, biến hiện khắp thế giới.

- Về nghĩa như thật thì cõi Thọ dụng thật là biến hiện khắp pháp giới, không nơi chốn nào là không có. Chẳng thể nói lìa khỏi nơi chốn của ba cõi, cũng chẳng thể nói tức nơi chốn của ba cõi.

Nếu theo chỗ hiện bày thích hợp của Bồ Tát, thì hoặc có tại Sắc giới trên cõi Trời Tịnh Cư, hoặc ở nơi Tây Phương, nơi chốn chẳng định rõ”.

Giải thích: Nay phần Sở giải dùng ngay điểm chính yếu, gồm luôn việc chọn lấy nghĩa như thật.

- Sở câu: “Dùng ba Tam muội làm cửa cho để đi vào”: Tức là nêu dẫn nghĩa. Kinh kia nói: “Không, Vô Tướng, Vô Nguyện giải thoát là cửa để đi vào. Cho nên phần Sở giải dùng kinh để phối hợp với Tướng của ba môn.

Nói: “Nhập Tam muội chẳng thể nghĩ bàn là bao quát chung cả trước sau”: Tức bao quát phần trước thì nêu rõ Không v.v. là Tam muội chẳng thể nghĩ bàn. Bao quát phần sau là dùng Tam muội v.v. Để thâm tóm lợi ích.

- Sở từ câu: “Ba là, lại, Tịnh nghiệp ấy” tiếp xuống: Là biện giải về tướng của sự thâm tóm lợi ích.

Kinh kia viết: “Diệt trừ mọi thứ phiền não, tai họa với mọi trói buộc, cấu uế”. Luận nêu: “Nghĩa là, ở trong đó xa lìa tất cả mọi sự trói buộc, cấu uế của phiền não như thế, cùng các thứ phiền não là những thứ cấu uế, trói buộc, tức gọi là nhân của tai họa. Mọi phiền não, trói buộc, cấu uế trong đó đã không thì những tai họa do chúng tạo ra cũng chẳng có trong đó.”

Giải thích: Lìa bỏ các thứ phiền não ấy tức gọi là thâm tóm lợi ích. Lại nữa, hiện chứng đắc giải thoát, không còn các phiền não, tai họa, trói buộc cấu uế, với phước trí thù thắng nên gọi là thâm tóm lợi ích. Do đó, phần Sở giải chỉ rõ tịnh nghiệp ở trên gọi là thâm tóm lợi ích.

- Sở câu: “Một là hình tướng, tức hình sắc viên mãn”:

Luận kia cùng nêu lên câu hỏi: “Cõi Tịnh như thế hiển bày về sắc viên mãn tức hình tướng như thế nào? Dẫn kinh để đáp vào hình sắc, nói: “Vô lượng nơi chốn được nêu bày các khoảng đẹp đẽ vi diệu được nêu bày tại các nơi chốn, khoảng cách.”

Nói “Vô lượng” tức hoặc cung điện vô lượng, hoặc xứ sở vô lượng, trí tuệ diệu là ánh sáng, sự bày biện là đẹp đẽ. Do đó nói là “nêu ra các khoảng đẹp đẽ, vi diệu”

Giải thích: Vô lượng hình tướng được nêu bày tức là Hình sắc.

- Số câu: “Hai là Vô lượng màu sắc ánh sáng, tức là hiển sắc viên mãn”:

Kinh kia viết: “Ánh sáng rực rỡ tốt bậc nơi trang nghiêm bằng bảy báu hào quang lớn soi chiếu khắp tất cả thế giới vô biên”. Luận giải thích: “Tức là nơi cung điện lớn, dùng ánh sáng rực rỡ tốt cùng, tỏa chiếu nơi trang nghiêm bằng bảy báu. Hoặc trang nghiêm bằng bảy báu nên ánh sáng rực rỡ hơn hết ở nơi ấy.

Lại như nói “Bảy báu”, thật ra nơi cõi Tịnh có Vô lượng vật báu vi diệu tạo nên sự đẹp đẽ trang nghiêm, chẳng phải là chỗ nhận biết của thế gian. Kinh ở đây viết: “Vô lượng màu sắc ánh sáng”.

Lại, Luận giải thích về việc “Phóng hào quang lớn” viết: “Tức là, nơi cung điện lớn phóng ra hào quang lớn soi chiếu khắp tất cả thế giới vô biên. Hoặc cung điện lớn, Thế ấy biến hiện khắp vô biên thế giới nên phóng hào quang lớn soi chiếu khắp tất cả”.

Giải thích: Kinh kia có hai câu. Còn kinh hiện tại nói: “Vô lượng màu sắc” là câu “Phóng ra hào quang vô biên” nơi kinh kia. “Vô lượng màu sắc” tức là phần đầu “Ánh sáng rực rỡ tốt bậc”.

- Số câu: “Trú xứ viên mãn”: Kinh kia nêu: “Vượt quá các thứ trang nghiêm nơi y báo trang nghiêm thường có của Như Lai.” Luận giải thích: “Nghĩa là, ở trong đó, chỗ trú xứ của Phật vượt hơn hẳn tất cả Bồ tát cùng các trú xứ trang nghiêm khác. Chính là sự trang nghiêm đẹp đẽ vi diệu là chỗ trú xứ của Như Lai. Do hơn hẳn tất cả các trú xứ trang nghiêm kia, nên gọi là Trú xứ viên mãn.”.

- Số từ câu: “Do vượt quá tất cả Bồ Tát” tiếp xuống: Tức là văn của Luận kia. Kinh hiển bày về xứ sở trang nghiêm ở nơi văn hết sức rõ ràng.

- Số câu: “Cũng có thể cùng với phần nêu bày tổng quát ở trước là tóm kết chung phần từ trước nay nói về mười tám thứ viên mãn”:

Từ trước nay thì quá khứ có hai. Vị lai có chín. Hiện tại có ba. Tức chỉ có mười bốn thứ. Trong phần sau nói về vật báu của người có năm. Sự nghiệp phân chia Phật và Bồ tát lại lần nữa nêu ra. Ngoại trừ phần còn lại, phần nêu ra lần nữa là mười tám thứ thì thấu tóm như thế nào?

Nay, văn nêu tổng quát là Chủ viên mãn, do nói về cõi Phật.

Trong phần riêng có hai mươi chín câu, gồm mười bảy thứ viên mãn:

- Câu một là trang nghiêm.
- Câu hai là thanh tịnh.

Là Nhân viên mãn. Kinh Phật Địa nói: “Vượt hơn chỗ phát sinh thiên căn xuất thế gian”. Nay cho là thanh tịnh nên là xuất thế gian, do chỗ trang nghiêm kia là sự trang nghiêm của chỗ dấy khởi, là sự trang nghiêm của muôn pháp thiện.

- Câu ba, bốn là sự nghiệp bình đẳng, đẹp đẽ.
- Câu năm tức là con đường với Hành, Niệm, Tuệ đều lớn làm y đức.

- Câu sáu, bảy là Trú xứ rộng lớn, an lạc.
- Câu tám tức là sự phụ giúp chẳng thể hủy hoại.
- Câu chín là Quyến thuộc vô tận.
- Câu mười là Phân lượng vô lượng.
- Câu mười một là dựa, giữ chẳng động.
- Câu mười hai là Vô úy, tên gọi giống nhau.
- Câu mười ba là Hiển sắc sáng tỏ.
- Câu mười bốn là không chống trái.
- Câu mười năm là đáng yêu mến, tức đều thấu tóm lợi ích viên mãn, không có lỗi lầm của tai họa, phiền não nên đáng yêu mến.

- Câu mười sáu là chiếu sáng.
- Câu mười bảy là trang nghiêm, đẹp đẽ, đều là Quả, thanh tịnh tột bậc là Tướng.

- Câu mười chín là thiện xảo vi diệu.
- Câu hai mươi đều là chỗ “Dựa giữ bậc nhất”.
- Câu hai mươi mốt, đến hai mươi bốn đều là “Cửa viên mãn”, tức ba cửa giải thoát là tối thắng.

- Câu hai mươi lăm, hai mươi sáu đều nương theo chỉ lớn, Quán diệu là Vô thượng.

- Câu hai mươi bảy là không gì bằng.
- Câu hai mươi tám là không thể so sánh.
- Câu hai mươi chín là không thể thí dụ, đều là Phương, Sở.

Do Tánh biến hiện khắp pháp giới, chẳng thể đều là chân thì không thể so đối. Kinh chỉ ra bao hàm nhiều thứ, ở đây tóm lược để phối hợp, chưa hẳn phải như thế. Cho nên phần Sơ giải lược chỉ rõ, khiến theo như Lý mà suy xét.

- Sơ câu: “Hành Niệm Tuệ lớn là con đường du hóa”: Tức văn của

kinh Phật Địa.

Nói “Lộ (con đường) tức là gọi khác của đạo (con đường): Là chỗ giải thích của Luận kia. Luận giải thích đầy đủ là: “Nghĩa là trong đó, Niệm lớn, Tuệ lớn cùng với do Hành lớn, là đối tượng phải bước lên đó mà đi, vì thế gọi là “Con đường du hóa”, là tên gọi khác của đạo (con đường). Nghe, lãnh hội, là chỗ tạo thành Tuệ gọi là Niệm lớn, tức đã lãnh hội thì ghi nhớ, duy trì, chẳng lìa bỏ nghĩa. Tư duy, vốn tạo thành Tuệ gọi là Tuệ lớn, tức dựa nơi Lý mà thẩm xét để có được sự quyết định. Tu tập vốn thành tựu Tuệ gọi là Hành lớn, tức do diệu lực tu tập duyên nơi chân lý. Gọi là lớn, tức như Niệm, Tuệ v.v... Đều duyên theo pháp Đại thừa mà sinh khởi, vì thuộc về pháp Đại thừa nên bước theo ba tuệ vi diệu ấy sẽ qua lại nơi cõi Tịnh nên gọi là “con đường du hóa”. Ở đây là nói Bồ tát nhờ ba tuệ vi diệu ấy mà có thể đi vào cõi Tịnh, nên gọi là “Con đường du hóa”.

- Số câu: “Trong bảy Niệm...” Tức thông thường là sáu Niệm, thêm Niệm về chúng sinh.

- Số câu: “Trên là biện giải về Phật nghiệp”: Kinh Phật Địa chỉ nói: “Tạo tất cả nghĩa lợi cho các chúng sinh”

Luận, trước nêu câu hỏi: “Cõi Tịnh như thế, mọi sự nhận lãnh duy trì đều viên mãn thì tạo được nghiệp gì?” Liên dẫn đoạn kinh vừa nêu. Luận viết: “Nghĩa là ở trong đó, tức có thể tạo ra tất cả nghĩa lợi cho hết thảy chúng sinh. Hoặc khiến cho tất cả chúng sinh tự tạo ra những thứ nghĩa lợi.” Kinh hiện tại nêu rõ tất cả chư Phật ở trong sự tu tập để thành đạo nên là “Phật nghiệp”. Nay biện minh Bồ tát thường tạo Phật sự, nên là “Bồ tát nghiệp”.

- Số câu: “Chỉ lớn, Quán diệu là phương tiện vận hành (Sở thừa)”: Tức là văn của kinh Phật Địa. Luận giải thích viết: “Chỉ tức là Xa-ma-tha. Quán tức là Bát-nhã. Đại thì nghĩa như trước, trong phần nói về “Đại Niệm”, duyên nơi pháp Đại thừa. Hai pháp này cùng vận hành nên gọi là phương tiện vận hành. Tùy theo Chỉ quán vận hành thích ứng mà tiến lên con đường phía trước.

- Số câu: “Vô úy viên mãn”: Kinh kia nói: “Xa lìa các Ma”.

Luận viết: “Nghĩa là do trong đó đã xa lìa tất cả các thứ Ma: Phiền não, Uẩn, Tử cùng Thiên ma. Hoặc khiến cho mọi người xa lìa bốn thứ Ma ấy. Bốn thứ Ma như thế là nguyên nhân của sự sợ hãi, do chúng có thể làm phát sinh các thứ sợ hãi. Bây giờ trong ấy không có chúng nên gọi là “Vô úy”.

- Số câu: “Tức nhận lãnh, duy trì viên mãn”: Văn của kinh kia

viết: “Nhận lãnh duy trì sự hỷ lạc của vị pháp một cách rộng lớn”. Phần Sớ giải nêu là chỗ giải thích của Luận. Văn ở đây cũng còn tóm lược, nếu nói đầy đủ là: “Tức ở trong đó, tận hưởng duy trì sự hỷ lạc của vị pháp một cách rộng lớn vào thì có thể khiến được an trụ. Trụ là có nghĩa duy trì”. Cho đến nói: “Trong cõi Tịnh ấy, chư Phật với Hậu Đắc Trí vô lậu, có thể nêu giảng, có khả năng duy trì sự thọ nhận vị pháp Đại thừa, làm phát sinh sự hoan hỷ, an lạc lớn.” Lại nữa, “Chính khi đang thể nhập vào trí thọ nhận vị pháp Chân như, phát sinh sự hoan hỷ, an lạc lớn, thì có khả năng duy trì thân mạng chẳng bị đoạn, hoại, nuôi lớn pháp thiện, nên gọi đó là Ân.” Tại nơi văn có thể nhận biết.

- Sớ câu: “Hai đoạn ấy là đã tác động lẫn nhau để cùng thành”: Do thấy Thật nên lia Vọng. Như thấy biết gốc cây trổ trụ thì chẳng thấy quý. Do lia Vọng nên thấy Thật tức như không còn thấy quý thì thấy rõ là cây.

- Sớ câu: “Do Tư dấy khởi là nghiệp nơi thân, ngữ”: Tức Luận Câu Xá viết:

*“Thế riêng do nghiệp sinh
Tư và Tư sở tác”.*

Tư tức là Ý nghiệp Tư. Sở tác là Thân, Ngữ nghiệp. Cho nên nơi chín địa đã biện minh rộng.

- Sớ từ câu: “Do tức là Không nên” tiếp xuống: Ở đây có ba nghĩa để giải thích Nhân Quả chẳng bị hủy hoại:

Một: Giống như nơi kinh Tịnh Danh: “Sắc tức là Không, chẳng phải là Sắc diệt rồi mới Không”. Đây là căn cứ nơi quán về Không.

Hai: Chẳng ngăn ngại sự tồn tại nên tức là quán về Giả.

Ba: Chẳng hủy hoại giả danh để nói về Thật tướng, hai nghĩa cùng soi chiếu là quán về Trung đạo.

- Sớ câu: “Đều là không chẳng có cái được cả”: Tức như nói gọi là Niết-bàn. Niết-bàn và sinh tử, cả hai đều chẳng thể có được”. Đây là căn cứ nơi Tánh Không. Phần sau căn cứ nơi chỗ hiển bày về Thật.

- Sớ câu: “Nên kinh Lăng Già nói: Xa lìa chủ thể biết và đối tượng được biết” tức như đã dẫn ở trước.

Sớ câu: Câu: “Văn Thù hỏi” tiếp xuống: Cũng như trước đã nêu.

Nói “Ảnh công” tức (Ngài Đàm Ảnh) nói trong Sớ giải Trung luận.

- Sớ câu: “Một là, không có chúng sinh vì lìa mọi cấu uế của chúng sinh”: Phần lớn giống trong kinh Tịnh Danh, tức nơi chương Tôn giả Mục Liên (Phẩm đệ Tử). Ngài Tịnh Danh nói: “Phàm thuyết pháp

là nên đúng như pháp mà thuyết giảng. Pháp không chúng sinh vì lìa mọi cấu uế của chúng sinh. Pháp không tự ngã vì lìa mọi cấu uế của Ngã. Pháp không thọ mạng vì lìa mọi nẻo sinh tử. Pháp không có người vì thời gian trước sau đều dứt hết.”

Giải thích: Bốn câu trên là nói về Ngã không, nên phần Sở giải đã chọn lấy. Bốn câu ấy tức nơi kinh Kim Cương là “Không Ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng.” Nay kinh ở đây biện giải về thứ lớp chẳng giống với hai kinh kia, đều nhằm nêu rõ là trước sau không cố định. Về tên gọi cũng có sự sai biệt nhỏ.

- “Do tác giả” tương đương với Ngã.

- “Do Bồ-đặc-già-la” tương đương với Nhân.

Như giải thích nghĩa thì tướng của Nhân, Ngã nơi thập Hạnh đã nêu đủ. Lý do của Không cũng như trước đã biện giải. Nay, dùng ý của kinh kia để xét theo văn hiện nay mà giải thích.

Một: “Pháp không chúng sinh”: Tức đã không có chúng sinh là pháp. Đại sư Tuệ Viễn nói: “Chính là nói rõ về Lý không có” vốn có ba ý: Một là không có chấp là thân Ngã về mặt không gian, Hai là không có tánh cố định về giả danh chúng sanh. Ba là không có tướng trạng của giả danh chúng sinh,” Đây đều là phân biệt hư vọng, tướng có lý không. Các môn khác cũng giống như thế.

Câu: “Lìa mọi cấu uế của chúng sinh”: Là phá bỏ vọng tình để hiển bày Lý. Chấp giữ Tâm của Ngã gọi là cấu uế của chúng sinh. Đại sư Đạo Sinh cũng nói: “Nếu có thể thấy được Lý thì thì vọng tình cấu uế ắt dứt hết. Do lìa cấu uế nên xét biết pháp là không có chúng sinh”.

Hai: “Pháp không có thọ mạng”: Chính là biện minh về “Không có” theo Lý, “Vì lìa mọi nẻo sinh tử” là giải thích xác nhận nghĩa trên. “Không thọ mạng” nghĩa là Sắc, Tâm liên kết duy trì từ sinh đến tử. Gốc không có sinh tử thì làm sao có thọ mạng? Với việc mà được lìa. Nay, có người vĩnh viễn lìa nên biết rõ gốc là không có.

Ba: “Không có Ngã”: Tức gốc của Lý là không có. “Vì lìa mọi cấu uế của Ngã” là giải thích, xác nhận nghĩa trên, hoàn toàn đồng với câu đầu.

Bốn: “Số thủ thú”, kinh Tịnh Danh gọi là người. Trí Luận gọi là chủ thể tạo các hành thiện ác nơi người pháp, nên chọn lấy nơi các cõi, ba đời luân hồi. Gốc không có “Luôn chọn lấy” thì sao có thời gian trước sau?

Lại nữa, nếu là định có thì chẳng nên nói là Thánh nhân đã đoạn trừ thời gian trước sau. Nay, Thánh nhân có sự đoạn trừ, nên biết rõ là

không có người có thể “luôn chọn lấy”.

- Số câu: “Như Phạm vương Loa Kế”: Tức cũng nơi kinh Tịnh Danh, như trước đã dẫn.

Phần còn lại tức có thể nhận biết.

Hồi hương thứ sáu: Hồi hương tùy thuận tất cả thiện căn kiên cố:

- Số câu: “Nay, thứ nhất là nhắc lại tên gọi” Là nêu dẫn. Gồm sáu:

Một: Giải thích tổng quát về tên gọi.

Hai: Từ câu: “Phần gốc gọi là” tiếp xuống: Là kết hợp với văn ở trước.

Ba: Từ câu: “Lại, kinh Bản Nghiệp nói” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh khác.

Bốn: Từ câu: “Đây là căn cứ nơi” tiếp xuống: Là hiển bày riêng về việc được mang tên.

Năm: Từ câu: “Cũng có thể gọi là” tiếp xuống: Là kết hợp với sáu cách giải thích.

Sáu: Từ câu: “Tức do không ngăn ngại” tiếp xuống: Là nêu ra Thể Tánh.

- Số câu: “Nước có nghìn cỗ xe”: Người xưa dùng một thành tạo ra xe “Cách xa” là một Thặng (Thừa) Nước có một ngàn “Thặng” tức đất đai nơi nước ấy có một ngàn thành. Thặng tức là cỗ xe. Tức là dùng da lót bên trong xe. Cách tức là da. Còn sống gọi là Cách. Da thuộc thì gọi là Vi, mỗi “Cỗ xe” gồm bảy mươi hai sĩ tốt.

- Số câu: “Tức một châu trở đi”: Chuyển Luân Vương thì có bốn châu, Thiết Luân tức là vua của một châu.

- Số câu: “Hai là cùng giáo hóa mười điều thiện”: Tức phàm là Chuyển Luân Vương, thì dùng mười điều thiện để giáo hóa muôn dân.

- Số câu: “Gồm đủ tám dị thực là Tăng thượng sinh”: Tức nơi Luân Du Già, quyển thứ ba mươi sáu, đã biện giải ở phẩm Tịnh Hạnh.

- Số từ câu: “Trong phần riêng, như so với đoạn sau, Hồi hương” tiếp xuống: Văn nơi bản Số giải gồm bốn:

Một: Nêu lên số lượng của toàn bộ.

Hai: Từ câu: “Trong đó, hai mươi bảy sự ở trước” tiếp xuống: Là dùng cả trong ngoài để nhận định phân biệt. Tức nêu rõ nghĩa hai môn trong Nhất thiết Thí.

Ba: Từ câu: “Lại, hai bảy sự thí ở trước” tiếp xuống: Là giải thích tổng quát về việc khéo thấu tóm, Ba: Từ câu: Xả bỏ chấp trụ: Là dùng

bốn Tâm Vô lượng để nhận định phân biệt về hai Hành “Hỉ Xả” ở trong câu tổng quát của đoạn sau.

Bốn: Từ câu: “Lại nữa, thay mạng để cứu giúp sự tàn hại” tiếp xuống: Là dùng ba thứ bố thí để nhận định phân biệt. Tức là Nhất thiết Thí.

- Số câu: “Phần sau, chỗ gọi là tiếp xuống: Là hiển bày riêng”: Phần này gồm ba:

Một: Làm rõ về pháp của đối tượng được thấu tóm.

Hai: Từ câu: “Nói khéo thấu tóm” tiếp xuống: Là giải thích chỗ tùy thuận thiện căn, lược nêu sáu độ, là tổng kết về muôn hạnh.

- Số câu: “Thứ hai là dựa nơi chỗ nêu lên để hiển bày rộng”: Phần này gồm bốn:

Một: Biện giải chỗ khác nhau của Tướng chung.

Hai: Từ câu: “Nhưng toàn bộ các môn kia” tiếp xuống: Là nêu ra lý do của việc dùng sáu mươi, tám mươi sự, do chia, hợp về có, không.

Ba: Từ câu: “Từ trước, Đại sư Quang Thống” tiếp xuống: Là biện giải, xác nhận về pháp môn.

Bốn: Từ câu: “Trên đây lại căn cứ nơi” tiếp xuống: Là tổng kết về vô lượng. Phần này gồm ba chi tiết:

Một là nêu dẫn văn, xác nhận về chỗ nhiều.

Hai là, Từ câu: “Thật thì đều là” tiếp xuống: Là nêu ra bản ý. Do đều thành Sự Sự Vô ngại, nên nẻo hành là trùng trùng vô tận.

Ba là, Từ câu: “Nên biết sáu mươi sự, tám mươi sự” tiếp xuống: Là tóm kết, chỉ rõ ý sâu xa của văn.

- Số câu: “Nhưng kinh A Hàm, Luận Duy Thức nói về Ăn nơi thế gian gồm có bốn loại”: Luận Duy Thức, quyển thứ tư nói: “Tức như nơi Khế Kinh nói về Ăn có bốn thứ:

Một là Đoạn thực (Là nghĩa phân đoạn), biến hoại là Tướng.

Hai là Xúc thực, tiếp xúc với Cảnh là Tướng (Tức tâm sở Xúc là Thể của loại thực này)...

Ba là Tư Thực, hy vọng là Tướng (Chính là Thủ cùng với dục đều tư duy).

Bốn là Thức Thực, nắm giữ là Tướng. Nghĩa là, thức hữu lậu, do sức mạnh của ba loại thực trên tăng trưởng nên có thể thực hiện việc Ăn, Thức này tuy chung cho tự Thể của các Thức, nhưng với Thức thứ tám thì nghĩa Ăn ấy được chú trọng hơn hết (Xúc thực thuộc cả sáu Thức, Tư thực gắn liền với thức thứ sáu). Do cùng một loại nắm giữ tương tục là nổi bật”.

Giải thích: Ba thứ Thực ấy với sự tăng trưởng về uy lực, Thức này cũng nuôi lớn đại chủng nơi các căn nên có thể thực hiện việc Ăn. Do thể Tập Luận nói bốn thứ Thực kia là chỗ thâm tóm của ba Uẩn, năm Xứ, mười một Giới.

Giải thích: Đoạn thực là thuộc về Sắc. Xúc thực, Tư thực là thuộc về Hành. Thức thực thì như tên gọi. Đoạn thực thuộc về ba Xứ là Hương, Vị, Xúc. Xúc thực, Tư thực là Pháp xứ. Thức thực là Ý xứ. Đoạn thực thâm gồm ba giới. Xúc thực, Tư thực là Pháp giới. Thức thực là Giới của bảy tâm. Luận cho rằng bốn thứ Thực ấy có khả năng duy trì thân mạng của chúng sinh khiến chẳng bị đoạn, hoại, nên gọi là Thực. Các phần còn lại như chỗ diễn rộng của Luận kia.

Nhưng nêu Đoạn thực ở sau cùng (nơi phần Số giải) là do ba thứ Thực trước là Hữu lậu, chung cho ba cõi, Đoạn thực chỉ thuộc về Dục giới. Lại thuận theo chỗ dịch của kinh nên để ở sau cùng.

- Số câu: “Nói về xuất thế thực thì có năm thứ”:

Trên nói kinh A Hàm tức là Tập A Hàm, nói đủ về chín thứ Thực, bốn thứ trước là thế gian, năm thứ sau là xuất thế gian:

Một là Thiên duyệt thực: Tức thiên định hỗ trợ cho tinh thần được nhẹ nhàng, vừa ý, vui thích, là nghĩa Thực.

Nhưng năm thứ Thực này đã gọi là xuất thế gian nên cùng hỗ trợ cho Pháp Thân.

Hai là Nguyện lực thực, nhận giữ duy trì pháp xuất thế làm tăng trưởng Pháp thân, tức là nghĩa Thực.

Ba là Niệm lực, thực tức ghi nhớ rõ ràng về Thánh đạo khiến luôn hiện tiền.

Bốn là Giải thoát, thực tức dứt trừ mọi chướng ngại, hiển nhiên có nghĩa hỗ trợ, tăng ích.

Năm là Pháp hỷ, thực tức bên trong thân tâm thâm nhiếp đầu tràn những hỷ lạc.

Phần tiếp sau của Số giải đã kết hợp bốn thứ Thực trước thành năm thứ sau rồi mới nêu ra nghĩa của Thực.

Một: Đối Tư thực ở trước thành loại thứ ba ở sau là Niệm lực thực. Do trong kinh nói Trí tuệ mà giải thích thành là Niệm. Niệm, Tuệ gần nhau nên nêu ra lý do: Cũng như nơi bốn Niệm, lấy Tuệ là Thể. Cho nên gần gũi với Niệm nên gọi là Niệm.

Hai: Đối Xúc thực thành loại thứ năm Pháp hỷ thực gồm luôn loại thứ tư Giải thoát thực.

Ba: Chuyển Thức thực thành loại một ở sau Thiên duyệt thực

Bốn: Chuyển Đoạn thực thành loại thứ hai Nguyên lực thực.

Nói là Đoàn thực tức thức ăn có thể cầm nắm được là còn dựa theo cách dịch xưa”: Nay cho uống nước v.v... cũng là “Đoạn thực” Vì Đoàn thực thì nước v.v... chẳng thể cầm, nắm được. Vậy nên dịch là Đoạn. Tức dùng hình tướng là đoạn, phân ra đoạn mà thực.

- Sở câu: “Một là như uống không gián đoạn”: Đây tức là Thể đối nghịch, tương tự. Đoạn trừ chỗ “Khát ái” của thế gian là thường cầu Trí Phật, tức phiền não là thể đối nghịch. Đạt được pháp hỉ, lạc v.v... tức là thuận. Nhập vào chỗ mưa dầm dề của biển tức đồng với ý nghĩa nước là Thể tương tự. Trong các môn sau thì cách diễn đạt về Thể cũng như thế, nên tùy theo lúc mà giải thích.

- Sở câu: “Kinh nói về rằng lớn của Phật, sau mới có tuổi cam lồ”: Tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ mười bốn, phần nói về “Thí Thực” v.v... cũng đều là phát nguyện, đều là một sự việc so với đây thì đại thể là giống nhau, nên chẳng thể nêu dẫn quá nhiều.

- Sở câu: “Nghĩa chung cho cả ngựa v.v...”: Do chữ Phạm gọi chung về “Xe cộ” là “Dã nang”. Nếu gọi riêng về xe thì là “Xa Yết Tra” Như gọi xe lớn là “Hạt La Tha”, đây gọi là “Dã nang” nên rõ là xe cộ, vậy là chung cho cả ngựa. Phần sau, nơi loại mười sáu là nói riêng về xe, do chữ Phạm là Xa Yết Tra.

- Sở câu: “Kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ chín nói: Ví như Hoa sen” tiếp xuống: Tức như Phẩm Như Lai Tánh, phần tán dương rộng về đức của Niết-bàn. Phần Sở giải chỉ nêu dụ. Văn kết hợp với đoạn kia là: “Hết thủy chúng sinh cũng lại như thế. Nếu được thấy nghe về đại Niết-bàn, người chưa tự phát tâm thấy đều phát tâm là nhân của Bồ Đề.

Do đó Như Lai nói đại Niết-bàn như ánh sáng đi vào nơi lỗ chân lông ắt là nhân vi diệu. Hạng nhất xiển đề kia tuy có Phật tánh, nhưng vì bị vô số các cấu uế tội lỗi vây buộc nên chẳng thể hiện bày được, như con tầm nằm trong tổ kén”.

Do chỗ văn hợp kia nơi phần Sở giải thứ nhất đã sử dụng nên nay chỉ nêu về dụ.

- Sở câu: “Chín là ánh sáng trắng khiến hoa sen xanh nở rộ, nêu dẫn kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi”: Tức nơi phẩm Phạm Hạnh, quan Kỳ Bà đã vì vua A Xà Thế mà nêu bày. Nhân Đức Thế Tôn nhập pháp Tam muội Nguyệt Ái, phóng hào quang chiếu đến nơi thân Vua. Vua hỏi duyên cớ, Kỳ Bà thưa: “Đây là đức Như Lai nhập pháp Tam muội Nguyệt Ái phóng hào quang. Vua hỏi: Thế nào là pháp Tam muội Nguyệt Ái? Kỳ Bà thưa: Ví như ánh sáng trắng có thể khiến cho

tất cả loại hoa Ưu Bát La nở rộ, tươi đẹp, pháp Tam muội Nguyệt Ái cũng lại như vậy, tức có thể khiến cho thiện tâm của chúng sinh được khai mở”. Phần tiếp sau là giảng nói rộng. Nay chỉ dùng ý ánh sáng trắng khiến hoa sen xanh nở rộ, hợp với trí tuệ của Phật là ánh trắng, sự hành hóa là hoa sen nở.

- Số câu: “Hoặc dùng dải hoa buộc nơi thân”:

Ở nơi Thân thì gọi là dải hoa (Anh). Nơi đầu thì gọi là tràng hoa (Man). Dải hoa cũng là loại với tràng hoa, đều kết hoa làm thành, nhân tiện nên nêu ra.

- Số câu: “Nhưng dựa theo Luận Du Già, Phẩm Hiền Thủ đều nêu rõ việc bố thí đèn...”:

Văn nơi Luận du Già nói rộng về sự việc cũng có thể nhận biết. Kệ nơi Phẩm Hiền Thủ (kinh Hoa Nghiêm) có đoạn:

*“Lại phóng quang tên “Nhãn thanh tịnh”
Khiến cho kẻ mù thấy mọi sắc
Dùng đèn cúng Phật và tháp Phật
Do vậy thành tựu ánh sáng ấy”.*

- Số câu: “Về kinh Nhiên Đăng Công Đức”: Cũng gọi là kinh Thí Đẳng Công Đức”, gồm một quyển, phần trước nói rộng về chỗ công đức đạt được của việc cúng đèn. Gần với phần sau, kệ viết:

*“Ở nơi tháp Phật cúng dường đèn
Người ấy thân sáng như mặt trời
Mâu Ni, Ngưu vương mắt thanh tịnh
Do thương đốt đèn sáng tháp kia,
Nên được đạo vô thượng, vô lậu
Được thân ánh sáng chiếu mười phương
Thấy bốn chân đế đủ mười Lực,
Các pháp Bát cộng cũng rất ráo
Được mắt thấy khắp thành Thiện Thế
Quả này đều do bố thí đèn”.*

Giải thích: Ở đây nêu rõ về công đức tốt cùng. Phần tiếp theo có kệ mang tính chất so sánh. Kệ viết:

*“Vị khiến tất cả các chúng sinh
Xưa từng cúng dường vô lượng Phật
Đủ uy đức lớn, thấy thật nghĩa
Ức kiếp sau thành đạo Duyên giác.
Các thế giới khắp trong mười phương
Thấy giảng đèn sáng không hề thiếu*

*Dùng toàn bộ đèn các thế giới Như
người tín tâm cúng dường kia
Người ấy đều cúng dường như thế
Nơi vô lượng kiếp không gián đoạn
Nếu người một đèn cúng dường Phật
Đạt phước đức hơn trước vô lượng
Dầu đèn ví như nước biển lớn
Tim đèn cũng như núi Tu di
Có người đốt được đèn như vậy Soi
sáng khắp hết cả thế giới Người
ấy thân tâm dốc kính tin Chí kia
chỉ cầu đạo Duyên giác Mười
phương đặt khắp đèn như thế Hết
lòng cung kính mà cúng dường
Nếu người phát tâm hướng Bồ Đề
Tay cầm đuốc cỏ tạm cúng Phật
Người đó được phước nhiều hơn trước
Ta thấy nghĩa thật nên nêu bày”.*

Giải thích: Xét đoạn kệ nơi kinh nêu trên, do đức của Phật khó nghĩ bàn, nên diễn rộng việc cúng dường Phật Bích chi không bằng cúng dường nơi tháp Phật vì chẳng thể khiến phát nguyện. Nay dùng bảy mươi tám đại nguyện nơi phần sau làm tim đèn, tâm đại bi làm dầu, nêu ra chỗ phát nguyện rộng lớn ứng hợp khiến cho Sự Lý ấy đều lớn rộng.

